TRƯỜNG THPT QUẾ SƠN
TỔ: SỬ- ĐỊA – GDKT&PL.

ĐỀ CHÍNH THỨC

(*Đề gồm có 03 trang*)

KIỂM TRA GIỮA KỲ II- NĂM HỌC 2024 - 2025
Môn: Địa lí – Lớp 10
Thời gian làm bài: 45 phút
(*Không kể thời gian giao đề*)

MÃ ĐỀ 703

I. PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. (3,0 điểm)

Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu hỏi học sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1: Ý nào sau đây **không** phải là đặc điểm của ngành nông – lâm nghiệp, thuỷ sản ?
A. Đất trồng và mặt nước là tư liệu sản xuất chủ yếu và không thể thay thế.
B. Đối tượng sản xuất là cây trồng và vật nuôi, các cơ thể sống.
C. Sản xuất ngày càng gắn bó với khoa học-công nghệ, liên kết sản xuất.
D. Cung cấp nhiều sản phẩm cho sản xuất và tiêu dùng.

Câu 2: Đâu là đặc điểm của ngành trồng trọt ?
A. Tạo việc làm, tăng thu nhập cho một phần dân nông thôn.
B. Cung cấp lương thực, thực phẩm cho con người.
C. Ngành trồng trọt phụ thuộc vào điều kiện tự nhiên.
D. Góp phần ổn định xã hội và bảo vệ môi trường.

Câu 3: Tổng giá trị của tất cả các sản phẩm và dịch vụ cuối cùng do tất cả công dân của một quốc gia tạo ra thường trong một năm gọi là
A. tổng sản phẩm quốc gia. **B.** tổng thu nhập quốc gia.
C. tổng sản phẩm quốc nội. **D.** tổng sản phẩm trong nước.

Câu 4: Phần lớn nguồn thức ăn của ngành chăn nuôi đều lấy từ nguồn nào sau đây ?
A. Tự nhiên. **B.** Trồng trọt. **C.** Công nghiệp. **D.** Thủy sản.

Câu 5: Dân số thế giới tăng hay giảm là do tác động chủ yếu của
A. sinh đẻ và tử vong. **B.** số trẻ tử vong hằng năm.
C. số người nhập cư. **D.** số người xuất cư.

Câu 6: Cơ cấu xã hội của dân số gồm cơ cấu theo
A. giới và theo lao động. **B.** lao động và theo tuổi.
C. trình độ văn hóa và theo giới. **D**. lao động và trình độ văn hóa.

Câu 7: Phương thức chăn nuôi công nghiệp chủ yếu dựa trên cơ sở nguồn thức ăn nào sau đây?
A. Đồng cỏ tự nhiên. **B.** Cây thức ăn cho gia súc.
C. Hoa màu, lương thực. **D**. Chế biến tổng hợp.

Câu 8: Một trong những vai trò quan trọng của ngành thuỷ sản đối với đời sống con người là
A. cung cấp nguyên liệu để sản xuất ra các mặt hàng tiêu dùng.
B. cung cấp nguồn lương thực có dinh dưỡng cao.
C. cung cấp nguồn gen động vật quý hiếm.
D. cung cấp nguồn đạm bổ dưỡng, dễ tiêu hóa, không gây béo phì.

Câu 9: Cơ cấu theo giới **không** ảnh hưởng đến
A. phân bố tổ chức sản xuất. **B.** tuổi thọ trung bình của dân cư.
C. chiến lược phát triển sản xuất. **D.** tổ chức đời sống xã hội.

Câu 10: Nhân tố nào sau đây tạo thuận lợi hay trở ngại cho sự cư trú của con người ?
A. Trình độ phát triển sản xuất. **B.** Tính chất của ngành sản xuất.
C. Các điều kiện của tự nhiên. **D.** Lịch sử khai thác lãnh thổ.

Câu 11: Đâu là ảnh hưởng của đô thị hoá về mặt xã hội?

A.Tăng quy mô lao động trong công nghiệp. **B.** Đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế.

C. Tạo thêm được nhiều việc làm mới. **D.**Tăng năng suất lao động xã hội.

Câu 12: Cơ cấu theo thành phần kinh tế gồm

A. khu vực kinh tế trong nước, công nghiệp – xây dựng, dịch vụ.

B. khu vực có vốn đầu tư nước ngoài, nông – lâm – ngư nghiệp.

C. khu vực kinh tế trong nước, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài.

D. khu vực có vốn đầu tư nước ngoài, công nghiệp – xây dựng.

II. PHẦN II: Câu trắc nghiệm đúng/ sai. (2 điểm)

Trả lời từ câu 1đến câu 2.Trong mỗi ý a),b),c), d) ở mỗi câu, học sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1: Cho bảng số liệu: Qui mô dân số một số nước thế giới năm 2020.

Một số quốc gia đông dân nhất thế giới (2020)	Triệu người	Một số quốc gia và vùng lãnh thổ ít dân nhất thế giới (2020)	Người
Trung Quốc	1 441,46	Mongtserat	4 990
Ấn Độ	1 412,37	QĐ. Falkland	3 056
Hoa Kì	331,95	Niue	1 616
In đô nê xia	274,97	Tokelau	1359
Pa ki xtan	223,06	Va ti căng	800
Braxin	213,24	QĐ. Pitcairn	50

A. Trung Quốc là quốc gia có dân số đông thứ 2 thế giới.

B. In đô nê xia là quốc gia có dân số đông thứ 4 thế giới.

C. Dân số Trung Quốc gấp In đô nê xia 5,24 lần.

D. Dân số Trung Quốc gấp Braxin 7,76 lần.

Câu 2: Cho đoạn thông tin sau:

Cơ cấu kinh tế theo ngành gồm thành phần nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; công nghiệp -xây dựng; dịch vụ. Cơ cấu theo ngành là bộ phận cơ bản nhất trong cơ cấu kinh tế. Cơ cấu theo ngành biểu thị tỉ trọng vị trí của các ngành và mối quan hệ giữa các ngành trong nền kinh tế. Cơ cấu theo ngành phản ánh trình độ phát triển khoa học - công nghệ, lực lượng sản xuất,…) của nền sản xuất xã hội.

A. Cơ cấu theo ngành phản ánh trình độ phát triển của nền sản xuất xã hội.

B. Cơ cấu kinh tế theo ngành bao gồm cả thành phần kinh tế trong nước.

C. Cơ cấu theo ngành kinh tế giống nhau giữa các nước, nhóm nước.

D. Cơ cấu kinh tế theo ngành phản ánh trình độ phân công lao động xã hội và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất.

III. PHẦN III. Câu trắc nghiệm yêu cầu trả lời ngắn.(2,0 Điểm)

Câu 1: Năm 2020, tỉ suất sinh thô trên thế giới là 19 ‰, nghĩa là cứ trung bình 1000 dân thì có bao nhiêu đứa trẻ được sinh ra ? *(làm tròn kết quả đến hàng đơn vị*)

Câu 2: Cho tỉ số giới tính (Tnn) bằng 96%. Hỏi trung bình 100 nữ thì có số nam tương ứng là bao nhiêu ? *(làm tròn kết quả đến hàng đơn vị*)

Câu 3: Cho bảng số liệu sau:

TỈ LỆ DÂN NÔNG THÔN VÀ THÀNH THỊ CỦA THẾ GIỚI GIAI ĐOẠN 1950 - 2020

(*Đơn vị: %*)

Năm	**1950**	**1970**	**2000**	**2020**
Thành thị	29, 2	36,6	46,7	56,2
Nông thôn	70, 8	63,4	53,3	43,8
Thế giới	100	100	100	100

(Nguồn: Niên giám thống kê năm 2020, NXB thống kê 2021)

Theo bảng số liệu, cho biết cơ cấu dân số nông thôn thế giới giai đoạn 1970 - 2020 giảm bao nhiêu % ? (*làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân*)

Câu 4: Dân số trung bình thế giới năm 2020 là 7837 triệu người, tỉ suất sinh thô là 19 ‰. Vậy số người được sinh ra trong năm là bao nhiêu triệu người ?*(làm tròn kết quả đến hàng đơn vị*)

IV. TỰ LUẬN (3,0 điểm).

Cho bảng số liệu: Cơ cấu GDP của thế giới năm 2010 và 2019. *(Đơn vị: %)*

Cơ cấu GDP	**Năm 2010**	**Năm 2019**
Nông, lâm, thủy sản	3,8	4,0
Công nghiệp, xây dựng	27,7	26,7
Dịch vụ	63,4	64,9
Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	5,1	4,4

1. Vẽ biểu đồ thể hiện cơ cấu GDP của thế giới năm 2010 và 2019
2. Nhận xét biểu đồ thể hiện cơ cấu GDP của thế giới năm 2010 và 2019.

------ HẾT ------